

**TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM**  
**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM**  
**BẢN TIN THAN NGÀY**

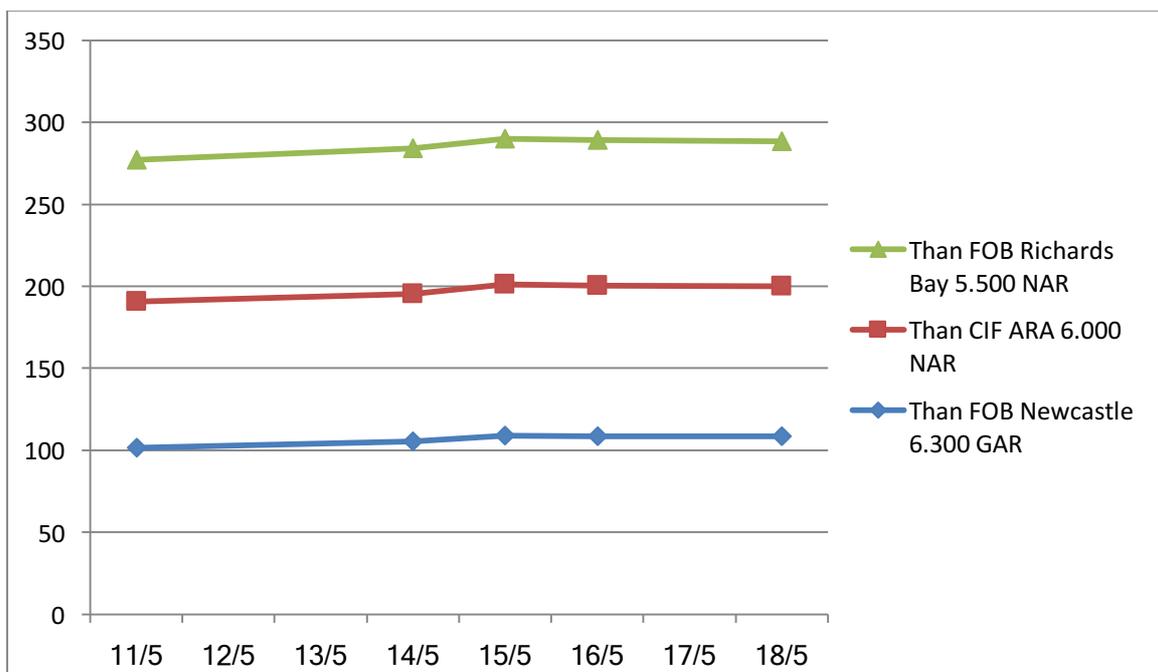
Ngày 21/05/2018

**CHỈ SỐ GIÁ THAN TRÊN THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI**

Chỉ số giá than	Giao ngay	+/-	Hợp đồng tương lai kỳ hạn 90 ngày	+/-
FOB Newcastle 6.300 GAR	108,40	-0,35	108,90	+0,75
CIF ARA 6.000 NAR	91,70	-1,30	92,70	-1,55
FOB Richards Bay 5.500 NAR	88,25	-1,35	N/A	N/A
FOB Kalimantan 5.900 GAR	N/A	N/A	79,25	+1,00
FOB Kalimantan 5.000 GAR	N/A	N/A	64,00	+0,00

Giá tham chiếu than nhiệt Trung Quốc	USD/tấn	+/-	NDT/tấn	+/-
PCC6 (CFR South China 3.800 NAR)	49,75	+0,40	342,83	+1,38
PCC7 (CFR South China 4.700 NAR)	72,50	+0,00	460,28	+0,58
PCC8 (CFR South China 5.500 NAR)	86,50	+0,35	549,16	+2,91

**GIÁ GIAO NGAY CÁC CHỈ SỐ THAN KHU VỰC NĂM 2018**



(Nguồn: Platts Coal Trader International – Số liệu ngày 18/05/2018)

## **ĐIỂM TIN**

### **Giá than ARA tăng cao tạo ra cơ hội cho than Mỹ**

Thị trường xuất khẩu than tại Mỹ trở nên sôi động do giá than xuất khẩu tiếp tục tăng đặc biệt khi nhu cầu của các khách hàng Ấn Độ, Châu Âu và khu vực Địa Trung Hải vẫn ở mức cao. Giá than vận chuyển đến Bắc Âu đã tăng vọt lên mức 93 USD/tấn, đây là mức cao nhất được ghi nhận tính từ tháng 1. Vào thứ 6 (18/5), giá than 6.000 kcal/kg NAR được S&P Global Platts đánh giá ở mức 91,70 USD/tấn, điều kiện CIF ARA, với mức giá này, rất nhiều công ty sẵn sàng bán ra. Một lượng lớn than từ khu vực Central Appalachian (CAPP) cũng sẵn sàng để xuất khẩu, do nhu cầu than trong nước giảm. Ngoài ra than Mỹ cũng đang được hưởng lợi từ việc Colombia gặp khó khăn trong việc cung cấp than nhiệt trị 6.000 kcal/kg. Tại khu vực Illinois Basin (IB), các giao dịch xuất khẩu than cũng tăng lên khi rất nhiều chủ mỏ đang chuẩn bị than nhằm đáp ứng nhu cầu tại Châu Âu Địa Trung Hải. Các chủ mỏ tại IB đang cấp tốc sản xuất để xuất khẩu than khi biết nhu cầu hiện rất lớn, tuy nhiên vận chuyển bằng đường sắt khiến tốc độ vận chuyển bị chậm lại.

Một công ty tại Châu Âu đã đưa ra giá chào cho một đơn hàng 75.000 tấn than IB, nhiệt trị 6.000 kcal/kg NAR giao trong tháng 6 ở mức 60 USD/tấn, cao hơn so với mức 59 – 59,50 USD/tấn tuần trước. Điều này đã phản ánh tình hình giá than toàn cầu tăng cũng như hạn chế mỏ nước tại khu vực sông Mississippi. Một đơn hàng 75.000 tấn than Northern Appalachian (NAPP) giao trong tháng 6, nhiệt trị 6.000 kcal/kg NAR được chào hàng với giá 80 USD/tấn, không thay đổi so với tuần trước. Có thể nói hiện tại 100% than xuất khẩu bán lẻ của Mỹ sẽ được bán cho Ấn Độ. Thị trường Châu Âu sẽ được cung cấp đầy đủ than nhờ các hợp đồng dài hạn của các năm trước, mặc dù vậy giá than Châu Âu tăng cao có thể khiến một số công ty chào than giao lẻ trong thời gian tới. Ngoài ra giá than Nam Phi tăng cao cũng tạo thuận lợi cho than NAPP thâm nhập vào thị trường Ấn Độ. Giá than điều kiện CFR Ấn Độ đang ở trong khoảng 103-110 USD/tấn, mức chênh lệch về giá do địa điểm của các nguồn cung ứng khác nhau khiến chi phí vận chuyển thay đổi.

### **Giá than trên thị trường Châu Âu tăng ảnh hưởng đến giá than Thổ Nhĩ Kỳ**

Giá than trên thị trường Châu Âu tăng đã ảnh hưởng đến giá than điều kiện CIF Thổ Nhĩ Kỳ, mặc dù nhu cầu tại đây khá thấp. Một chuyến hàng than giao trên tàu Panamax đến Thổ Nhĩ Kỳ hiện có giá 95 USD/tấn. Tuy nhiên các khách hàng Thổ Nhĩ Kỳ hiện không có nhu cầu mua than do lượng than dự trữ tại các nhà máy xi măng vẫn đủ để sử dụng cho vài tháng tới. Giá than nhiệt Châu Âu tăng cao là nguyên nhân chính ảnh hưởng đến giá than tại Thổ Nhĩ Kỳ, cùng với các nguyên nhân khác như chi phí vận chuyển cao và giá than cốc có độ lưu huỳnh trung bình vẫn đang ổn định.

Nhu cầu mua than tại Thổ Nhĩ Kỳ thấp sẽ hạn chế khả năng tăng giá trong một vài tuần nữa, tuy nhiên hiện tại tốc độ tăng giá đang khá cao. Trong khi đó khách hàng đang kiếm than nội địa do giá than nhập khẩu tăng quá nhanh. Hiện tại giá than giao điều kiện CIF ARA và CIF Thổ Nhĩ Kỳ đều đang cao hơn 90 USD/tấn, tuy nhiên nhu cầu thấp đã hạn chế tốc độ tăng giá. Một chuyến hàng giao trên tàu Capesize trong tháng 6 từ Colombia được giao dịch tại mức 93,50 USD/tấn, và một chuyến khác giao vào tháng 7 có mức giá 91 USD/tấn. Cả 2 chuyến trên đều giao đến 1 nhà máy điện lớn của Thổ Nhĩ Kỳ.

### **Giá than nhiệt Châu Âu tăng**

Trong ngày 18/5, giá than nhiệt giao đến Châu Âu đã giảm nhẹ sau khi tăng 7,75 USD/tấn từ đầu tháng 5, mặc dù thị trường dự báo giá sẽ tiếp tục tăng trong ngắn hạn. Theo Platts, giá than 6.000 kcal/kg NAR 15-60 ngày ở mức 91,70 USD/tấn, CIF ARA giảm 1,30 USD/tấn so với ngày 17/5. Tâm lý người bán trên thị trường than nhiệt Châu Âu hiện đang rất lạc quan do sản lượng thủy điện tại Trung Quốc thấp sẽ thúc đẩy thị trường than nhiệt đường biển thế giới. Một yếu tố khác khiến thị trường thêm lạc quan là các cuộc đàm phán giữa các chủ mỏ tại Australia và các công ty Nhật Bản cho hợp đồng dài hạn. Trước đó mức giá đàm phán cho than nhiệt trị 6.000 kcal NAR ở mức 95 USD/tấn, tuy nhiên đến ngày 18/5, giá có thể đã lên tới 100 USD/tấn, đây là tin vui cho các công ty hoạt động trên thị trường than đường biển.

Mặt khác chi phí vận chuyển than đến Châu Âu tăng lên trong khi chi phí vận chuyển tuyến đường Baltic - Rotterdam lại giảm xuống đã tạo thuận lợi cho giá than Nga tăng. Trong ngày 18/5, giá than 6.000 kcal/kg NAR 90 ngày của Platts ở mức 87,60 USD/tấn, FOB Baltic, tăng 2,25 USD so với 1 tuần trước. Tại Atlantic Basin, giá than Nam Phi tiếp tục ở mức cao kỷ lục do nguồn cung tất cả các

loại than đều khan hiếm cộng với các nhà máy của Eskom phải nhập khẩu thêm than. Giá than Nam Phi 5.500 kcal/kg NAR trong ngày 18/5 ở mức 88,25 USD/tấn, FOB Richards Bay, giảm 1,25 USD so với kỉ lục hôm thứ 5 (17/5).

(Nguồn: [www.platts.com](http://www.platts.com))

## **CƯỚC VẬN TẢI ĐƯỜNG BIỂN QUỐC TẾ**

Cỡ tàu	Điểm xuất phát	Điểm đến	Cước phí	Đơn vị: USD/tấn
				Thay đổi
<b>Capesize</b> (150.000 tấn)	Úc	Trung Quốc	9,10	+0,35
	Queensland	Nhật Bản	10,55	+0,35
	New South Wales	Hàn Quốc	11,20	+0,35
<b>Panamax</b> (70.000 tấn)	Richards Bay	Tây Ấn Độ	12,30	-1,00
	Kalimantan	Tây Ấn Độ	9,60	+0,05
	Richards Bay	Đông Ấn Độ	12,50	+1,00
	Kalimantan	Đông Ấn Độ	8,05	+0,05
	Úc	Trung Quốc	13,00	+0,15
	Úc	Ấn Độ	14,55	+0,25

(Nguồn: *Platts Coal Trader International* – Số liệu ngày 18/05/2018)